

48. TƯƠNG ỪNG CĂN (*INDRIYASAMĪYUTTA*)

I. PHẨM THANH TỊNH (*SUDDHIKAVAGGA*)

I. KINH THANH TỊNH (*Suddhikasutta*)¹ (S. V. 193)

471. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Nay các Tỷ-kheo, những pháp này là năm căn.

II. KINH DỰ LƯU THỨ NHẤT (*Paṭhamasotāpannasutta*)² (S. V. 193)

472. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm căn này; khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là vị Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

III. KINH DỰ LƯU THỨ HAI (*Dutiyasotāpannasutta*) (S. V. 193)

473. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là vị Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

IV. KINH A-LA-HÁN THỨ NHẤT (*Paṭhamaarahantasutta*)³ (S. V. 194)

474. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy⁴ được gọi là vị A-la-hán, lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt

¹ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.643. 0182c26).

² Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.644. 0182b02).

³ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.645. 0182b10).

⁴ Kinh này và kinh kế tiếp giống nhau, chỉ khác là kinh này chỉ cho vị Thánh đệ tử, còn kinh sau chỉ cho một vị Tỷ-kheo.

gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

V. KINH A-LA-HÁN THỨ HAI (*Dutiyaarahantasutta*) (S. V. 194)

475. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Khi nào Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đạt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

VI. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamaṇabrāhmaṇasutta*)⁵ (S. V. 194)

476. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

VII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (S. V. 195)

477. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết tín căn,⁶ không như thật rõ biết tín căn tập khởi, không như thật rõ biết tín căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến tín căn đoạn diệt; không như thật rõ biết tấn căn... không như thật rõ biết niệm căn... không như thật rõ biết định căn... không như thật rõ biết tuệ căn, không như thật rõ biết tuệ căn tập khởi, không như thật rõ biết tuệ căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến tuệ căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn

⁵ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099. 650-651. 0182c28-0183a12).

⁶ *Saddhindriya*: Tín căn (xem đoạn kinh 479). *Saddhā*: Tín, tin, gồm có tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Thánh giới viên mãn. Ba niềm tin đầu được xem là thuộc về tín căn. Xem KS. II. 48; *Expos.* I. 191.

ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay của Bà-la-môn hạnh.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết tín căn, như thật rõ biết tín căn tập khởi, như thật rõ biết tín căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến tín căn đoạn diệt; như thật rõ biết tấn căn... như thật rõ biết niệm căn... như thật rõ biết định căn... như thật rõ biết tuệ căn, như thật rõ biết tuệ căn tập khởi, như thật rõ biết tuệ căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến tuệ căn đoạn diệt; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay của Bà-la-môn hạnh.

VIII. KINH CẦN PHẢI QUÁN (*Datṭhabbasutta*)⁷ (S. V. 196)

478. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tín căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán tín căn trong bốn Dự lưu phần.

Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tấn căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán tấn căn trong bốn chánh căn.

Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán niệm căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán niệm căn trong bốn niệm xứ.

Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán định căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán định căn trong bốn thiền.

Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tuệ căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán tuệ căn trong Bốn Thánh đế.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

IX. KINH PHÂN TÍCH THỨ NHẤT (*Paṭhamavibhaṅgasutta*)⁸ (S. V. 196)

479. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: “Đây là Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.” Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tín căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện

⁷ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.646. 0182b16); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.675. 0185c09).

⁸ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.647. 0182b23).

pháp với nỗ lực kiên trì (*dalhaparakkamo*), tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng (*anikkhittadhuro*) làm các thiện pháp. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử chánh niệm, thành tựu niệm tuệ⁹ tối thắng, ức niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, các lời nói từ lâu. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sau khi từ bỏ pháp sở duyên (*vossaggārammaṇam*), được định, được nhất tâm. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

X. KINH PHÂN TÍCH THỨ HAI (*Dutiyavibhaṅgasutta*)¹⁰ (S. V. 197)

480. Đây các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: “Đây là Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.” Đây các Tỷ-kheo, đây được gọi là tín căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp với nỗ lực kiên trì, tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Vị ấy đối với các pháp bất thiện chưa sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho không sanh khởi; đối với các pháp bất thiện đã sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho đoạn tận; đối với các thiện pháp chưa sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho sanh khởi; đối với các thiện pháp đã sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho an trú, không có mê ám, được tăng trưởng, quảng đại, được tu tập, được làm cho viên mãn.¹¹ Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử chánh niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, và lời nói từ lâu. Vị ấy trú, quán

⁹ SA. III. 234: *Satīnepakkenāti ettha nipakassa bhāvo nepakkam, paññāyetam nāmaṃ* (“Niệm tuệ” trong trường hợp này nghĩa là sự phân biệt, trạng thái sáng suốt). Xem S. V. 225; *Vism.* 3.

¹⁰ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.655. 0183b25); *Tap. 雜* (T.02. 0099.658. 0183b27).

¹¹ Xem *D.* III. 221.

thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm căn.

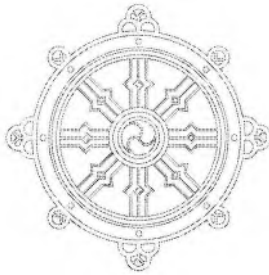
Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhất tâm. Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ... an trú Thiền thứ hai... an trú Thiền thứ ba... từ bỏ lạc từ bỏ khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, đầy đủ trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, trí tuệ thuộc bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Vị ấy như thật rõ biết đây là khổ, như thật rõ biết đây là khổ tập khởi, như thật rõ biết đây là khổ đoạn diệt, như thật rõ biết đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.



II. PHẨM CÓ PHẦN YẾU HƠN (*MUDUTARAVAGGA*)

I. KINH CHỨNG ĐẮC (*Paṭilābhasutta*) (S. V. 199)

481. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tín căn?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: “Đây là Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.” Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tín căn.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tấn căn?

Nay các Tỷ-kheo, khi tu tập bốn chánh cần, thâm nhận tinh tấn; nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn căn.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là niệm căn? Nay các Tỷ-kheo, khi tu tập bốn niệm xứ, thâm nhận niệm; nay các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm căn.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là định căn?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhất tâm. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ căn?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt [các pháp], với trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn.

Nay các Tỷ-kheo, những pháp này là năm căn.

II. KINH TÓM TẮT THỨ NHẤT (*Paṭhamasaṃkhittasutta*)¹² (S. V. 200)

482. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, nay các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện (*samattā*), nay các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Bất Hoàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự Lưu. Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy tín hành.¹³

¹² Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.648. 0182c14).

¹³ *Saddhānusārī*: Vị ấy học tập, đặt ra nhiều nghi vấn và rồi mới bước vào thực tập. *Dhammānusārī*: Sau khi nghe được nghe một hoặc hai lần về Thánh đế, vị ấy chứng quả Nhập lưu. Xem *SA. III. 235; PC. 149*.

III. KINH TÓM TẮT THỨ HAI (*Dutiyasaṃkhittasutta*)¹⁴ (S. V. 200)

483. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán... là bậc Tùy tín hành.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có sự sai biệt về căn mà có sự sai biệt về quả, do có sự sai biệt về quả mà có sự sai biệt về [hạng] người.¹⁵

IV. KINH TÓM TẮT THỨ BA (*Tatīyasaṃkhittasutta*) (S. V. 201)

484. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm?

Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán... là bậc Tùy tín hành.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, ai làm viên mãn, được quả viên mãn. Ai làm từng phần, được quả từng phần. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng năm căn không phải không sinh quả.

V. KINH QUẢNG THUYẾT THỨ NHẤT (*Paṭhamavittthārasutta*) (S. V. 201)

485. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn (*Antarāparinibbāyī*). Yếu nhẹ hơn là bậc Tồn hại Bát-niết-bàn (*Upahaccaparinibbāyī*). Yếu nhẹ hơn là bậc Vô hành Bát-niết-bàn (*Asaṅkhāraparinibbāyī*). Yếu nhẹ hơn là bậc Hữu hành Bát-niết-bàn (*Sasaṅkhāraparinibbāyī*). Yếu nhẹ hơn là bậc Thượng lưu đạt đến Sắc Cứu Cánh thiên. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự Lưu. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy tín hành.

VI. KINH QUẢNG THUYẾT THỨ HAI (*Dutiyavittthārasutta*) (S. V. 201)

486. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn... là bậc Tùy tín hành.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là do sự sai khác về căn mà có sự sai khác về quả, do sự sai khác về quả mà có sự sai khác về [hạng] người.

VII. KINH QUẢNG THUYẾT THỨ BA (*Tatīyavittthārasutta*) (S. V. 202)

487. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

¹⁴ Tham chiếu: *Tap. 雜 (T.02. 0099.648. 0182c14).*

¹⁵ *Iti kho, bhikkhave, indriyavemattatā phalavemattatā hoti, phalavemattatā puggalavemattatā ti.*

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn... Yếu nhẹ hơn là bậc Tỳ-tín hành.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, ai làm viên mãn, được quả viên mãn; ai làm từng phần, được quả từng phần. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng năm căn không phải không sinh quả.

VIII. KINH THỰC HÀNH (*Paṭipannasutta*)¹⁶ (S. V. 202)

488. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán (A-la-hán hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Bát Lai. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bát lai (A-na-hàm hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Lai. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhất lai (Nhất lai hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Dự Lưu. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Dự lưu (Dự lưu hướng).

Đối với ai, này các Tỷ-kheo, năm căn này toàn bộ và toàn diện không có, thời Ta nói rằng người ấy là người đứng phía ngoài, là thuộc thành phần phàm phu.

IX. KINH ĐẦY ĐỦ (*Sampannasutta*)¹⁷ (S. V. 202)

489. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– “Căn đầy đủ, căn đầy đủ”, bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là căn đầy đủ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ... tu tập Tuệ căn, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ.

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có căn đầy đủ.

X. KINH ĐOẠN TẬN CÁC LẬU HOẶC (*Āsavakkhayasutta*)¹⁸ (S. V. 203)

490. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Do tu tập, do làm cho sung mãn năm căn này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

¹⁶ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.652. 0183a24).

¹⁷ *Indriyasampanna*: Căn đầy đủ. Bản tiếng Anh của PTS: *Tranquil*, nghĩa là *Tịch tịnh*.

¹⁸ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.649. 0182c21).

III. PHẨM SÁU CĂN (*CHAḶINDRIYAVAGGA*)

I. KINH TÁI SANH (*Punabbhavasutta*)¹⁹ (S. V. 203)

491. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta mới biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người.

Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa.”

II. KINH MẠNG CĂN (*Jīvitindriyasutta*)²⁰ (S. V. 204)

492. Nay các Tỷ-kheo, có ba căn này. Thế nào là ba? Nữ căn, nam căn, mạng căn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn.

III. KINH DĨ TRI CĂN (*Aññindriyasutta*)²¹ (S. V. 204)

493. Nay các Tỷ-kheo, có ba căn này. Thế nào là ba? Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn.²²

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn.

IV. KINH BẠC NHẤT CHỨNG (*Ekabījīṣutta*)²³ (S. V. 204)

494. Có năm căn, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

¹⁹ Bản tiếng Anh của PTS: *No More Becoming* (or *The Knower*), nghĩa là *Không còn tái sinh* (hay *Người có trí*). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.650. 0182c28).

²⁰ Bản tiếng Anh của PTS: *Vitality*, nghĩa là *Mạng*.

²¹ Bản tiếng Anh của PTS: *The Method*, nghĩa là *Chánh lý*. Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.642. 0182a14).

²² Xem *Vism.* 491.

²³ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.653. 0183b04).

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Tôn hai Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Vô hành Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Hữu hành Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Thượng lưu đạt tới Sắc Cứu Cánh thiên. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Chứng.²⁴ Yếu nhẹ hơn là bậc Gia Gia (*kolaṃkolo*).²⁵ Yếu nhẹ hơn là bậc phải tái sinh lại nhiều nhất là bảy lần. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy tín hành.

V. KINH THANH TỊNH (*Suddhakasutta*) (S. V. 205)

495. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là sáu căn.

VI. KINH BẬC DỰ LƯU (*Sotāpannasutta*) (S. V. 205)

496. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; khi ấy, vị Thánh đệ tử được gọi là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết định đạt tới Chánh đẳng giác.

VII. KINH BẬC A-LA-HÁN (*Arahantasutta*)²⁶ (S. V. 205)

497. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn.

Khi nào Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này, được giải thoát, không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã gạt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn diệt, chánh trí, giải thoát.

VIII. KINH CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC (*Sambuddhasutta*) (S. V. 205)

498. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta chưa như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; cho đến khi ấy, này các

²⁴ Chú giải giải thích rằng bậc Dự Lưu sinh lại làm người một lần nữa, tiếp tục nỗ lực tu tập thành tựu quả vị A-la-hán.

²⁵ Từ gia đình này đến gia đình khác.

²⁶ Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Arahant* (or *Enlightened*), nghĩa là bậc A-la-hán (hay bậc Giác Ngộ).

Tỷ-kheo, Ta mới nhận biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới, như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người.

Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa.”

IX. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamaṇabrāhmaṇasutta*) (S. V. 206)

499. Nay các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

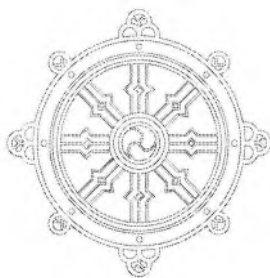
Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

X. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (S. V. 206)

500. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết nhãn căn, không như thật rõ biết nhãn căn tập khởi, không như thật rõ biết nhãn căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến nhãn căn đoạn diệt... nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn... không như thật rõ biết ý căn, không như thật rõ biết ý căn tập khởi, không như thật rõ biết ý căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến ý căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Nhưng những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết nhãn căn, như thật rõ biết nhãn căn tập khởi, như thật rõ biết nhãn căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến nhãn căn đoạn diệt... nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn... như thật rõ biết ý căn, như thật rõ biết ý căn tập khởi, như

thật rõ biết ý căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến ý căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.



IV. PHẨM LẠC CĂN (*SUKHINDRIYAVAGGA*)

I. KINH THANH TỊNH (*Suddhikasutta*) (S. V. 207)

501. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

II. KINH BẬC DỰ LƯU (*Sotāpannasutta*) (S. V. 207)

502. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; vị Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là bậc Dự Lưu, không còn bị thoái hạ, quyết định đạt đến Chánh đẳng giác.

III. KINH BẬC A-LA-HÁN (*Arahantasutta*) (S. V. 208)

503. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

IV. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamaṇabrāhmaṇasutta*) (S. V. 208)

504. Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn

này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

V. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (S. V. 208)

505. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không rõ biết lạc căn, không rõ biết lạc căn tập khởi, không rõ biết lạc căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đến lạc căn đoạn diệt... không rõ biết xả căn, không rõ biết xả căn tập khởi, không rõ biết xả căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, rõ biết lạc căn, rõ biết lạc căn tập khởi, rõ biết lạc căn đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến lạc căn đoạn diệt... rõ biết xả căn, rõ biết xả căn tập khởi, rõ biết xả căn đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

VI. KINH PHÂN TÍCH THỨ NHẤT (*Paṭhamavibhaṅgasutta*) (S. V. 209)

506. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn? Này các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về thân, cái gì thích thú thuộc về thân, cái gì lạc do thân xúc sanh, cái gì thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là lạc căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ căn? Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về thân, cái gì không thích thú thuộc về thân, cái gì khổ do thân xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là khổ căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ căn (*somanassa*)? Này các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về tâm, cái gì thích thú thuộc về tâm, cái gì lạc do ý xúc sanh, cái gì thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hỷ căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ưu căn? Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về tâm, cái gì không thích thú thuộc về tâm, cái gì khổ do ý xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là ưu căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả căn? Này các Tỷ-kheo, cái gì không thích

thú và không không thích thú thuộc về thân hay thuộc về tâm được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là xả căn.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

VII. KINH PHÂN TÍCH THỨ HAI (*Dutiyavibhaṅgasutta*) (S. V. 209)

507. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn?... (như kinh trên).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, cái gì thuộc lạc căn và cái gì thuộc hỷ căn, cần phải xem là lạc thọ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, cái gì thuộc về khổ căn, và cái gì thuộc ưu căn, cần phải xem là khổ thọ. Ở đây, cái gì thuộc xả căn, cần phải xem là bất khổ bất lạc thọ.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

VIII. KINH PHÂN TÍCH THỨ BA (*Tatiyavibhaṅgasutta*) (S. V. 210)

508. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn?... (như kinh trên).

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các căn này, trước năm sau trở thành ba, trước ba sau trở thành năm, tùy theo pháp môn.

IX. KINH VÍ DỤ THANH CÙI (*Katthopamasutta*)²⁷ (S. V. 211)

509. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là lạc, khởi lên lạc căn. Khi cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết: “Tôi cảm giác lạc thọ.” Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là lạc ấy, lạc căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng²⁸ được cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết lạc căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là khổ, khởi lên khổ căn. Khi cảm thọ là khổ, người ấy rõ biết: “Tôi cảm giác khổ thọ.” Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là khổ ấy, khổ căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là khổ, người ấy rõ biết khổ căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là hỷ, khởi lên hỷ căn. Khi cảm thọ là hỷ, người ấy rõ biết: “Tôi cảm giác hỷ.” Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là hỷ ấy, hỷ căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là hỷ, người ấy rõ biết hỷ căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là ưu, khởi lên ưu căn. Khi cảm thọ là ưu, người ấy rõ biết: “Tôi cảm giác ưu thọ.” Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là ưu ấy, ưu căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là ưu, người ấy rõ biết ưu căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

²⁷ *Katthopama* (*kattha* + *upama*) nghĩa là ví dụ về thanh củi, mảnh cây. Bản tiếng Anh của PTS: *The Fire-stick*, nghĩa là *Cây quay ra lửa*. *Araṇi*. Xem KS. II. 67; IV. 145.

²⁸ *Tajjaṃ* = *Sarūpaṃ*. Xem chú thích trong BPE. 6.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là xả, khởi lên xả căn. Khi cảm thọ là xả, người ấy rõ biết: “Tôi cảm giác xả thọ.” Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là xả ấy, xả căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là xả, người ấy rõ biết xả căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, sự xúc chạm và sự cọ xát hai thanh củi, sức nóng sanh khởi, lửa được hiện hữu. Khi hai thanh củi ấy được tách rời, được ly khai, sức nóng thích ứng ấy được đoạn diệt, được tịnh chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là lạc, khởi lên lạc căn. Khi cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết: “Tôi cảm giác lạc thọ.” Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là lạc ấy, lạc căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết lạc căn ấy diệt, được tịnh chỉ. Do duyên xúc được cảm thọ là khổ, khởi lên khổ căn... Do duyên xúc được cảm thọ là hỷ, khởi lên hỷ căn... Do duyên xúc được cảm thọ là ưu, khởi lên ưu căn... Do duyên xúc được cảm thọ là xả, khởi lên xả căn. Khi cảm thọ là xả, người ấy rõ biết: “Tôi cảm giác xả thọ.” Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là xả ấy, xả căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là xả, người ấy rõ biết xả căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

X. KINH KHÔNG THUẬN THỨ (*Uppaṭipāṭikasutta*) (S. V. 213)

510. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Khổ căn, ưu căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên khổ căn, vị ấy rõ biết như vậy: “Khổ căn này khởi lên nơi ta.” Và khổ căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và khổ căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết khổ căn; rõ biết khổ căn tập khởi; rõ biết khổ căn đoạn diệt; từ chỗ nào, khổ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết khổ căn ấy. Và tại chỗ nào, khổ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Ở đây, khổ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của khổ căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên ưu căn, vị ấy rõ biết như vậy: “Trong ta khởi lên ưu căn này.” Và ưu căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và ưu căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết ưu căn; rõ biết ưu căn tập khởi; rõ biết ưu căn đoạn diệt; từ chỗ nào, ưu căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết ưu căn ấy. Và tại chỗ nào, ưu căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Và ở

đây, ưu căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của ưu căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên lạc căn, vị ấy rõ biết như vậy: “Lạc căn này khởi lên nơi ta.” Và lạc căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và lạc căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết lạc căn; rõ biết lạc căn tập khởi; rõ biết lạc căn đoạn diệt; từ chỗ nào, lạc căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết lạc căn ấy. Và tại chỗ nào, lạc căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Ở đây, lạc căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của lạc căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên hỷ căn, vị ấy rõ biết như sau: “Hỷ căn này khởi lên nơi ta.” Và hỷ căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và hỷ căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Vị ấy rõ biết hỷ căn; rõ biết hỷ căn tập khởi; rõ biết hỷ căn đoạn diệt; từ chỗ nào, hỷ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết hỷ căn ấy. Và tại chỗ nào, hỷ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Ở đây, hỷ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của hỷ căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên xả căn, vị ấy rõ biết như sau: “Xả căn này khởi lên nơi ta.” Và xả căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và xả căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Vị ấy rõ biết xả căn; rõ biết xả căn tập khởi; rõ biết xả căn đoạn diệt; từ chỗ nào, xả căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết xả căn ấy. Và tại chỗ nào, xả căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tướng định. Ở đây, xả căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của xả căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

V. PHẨM GIÀ (*JARĀVAGGA*)

I. KINH PHÁP GIÀ (*Jarādharmmasutta*)²⁹ (S. V. 216)

511. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Pubbārāma, trong lầu đài của mẹ Migāra.³⁰

Lúc bấy giờ, Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư đứng dậy, ngồi sưởi ấm lưng trong ánh nắng phương Tây.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, với tay xoa bóp chân tay cho Thế Tôn, thưa rằng:

– Thật kinh hoàng thay, bạch Thế Tôn! Thật kỳ dị thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, màu da Thế Tôn nay không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã rời (*sithilāni*), nhăn nheo, thân được thấy còm về phía trước, và các căn đang bị đổi khác, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

– Sự thể là vậy, này Ānanda, tánh già nằm trong tuổi trẻ; tánh bệnh ở trong sức khỏe; tánh chết ở trong sự sống. Như vậy, màu da không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã rời, nhăn nheo, thân còm về phía trước, và các căn đang bị đổi khác, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Bất hạnh thay tuổi già!
Đáng sợ thay cuộc sống!
Tuổi già làm phai nhạt,
Sắc diện của màu da.³¹
Hình bóng trước khả ý,
Nay già đã phá tan.
Ai sông được trăm tuổi,
Cuối cùng cũng phải chết.
Không bỏ sót một ai,
Tất cả bị phá sập.

II. KINH BÀ-LA-MÔN UNṆĀBHA (*Unṇābhabrāhmaṇasutta*) (S. V. 217)

512. Nhân duyên ở Sāvatthi.

²⁹ Bản tiếng Anh của PTS: *Old Age*, được dịch là *Già*.

³⁰ *Migāramātupāsāda*: Tên của một tinh xá do tín nữ Visākhā tạo dựng và hỷ cúng cho đức Phật cùng Tăng đoàn. S. I. 77 và III. 100.

³¹ *Bimba* (hay *vimba*) = *Attabhāva*. Xem SA. III. 245; Dh. v. 147.

Rồi Bà-la-môn Uṇṇābha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Bà-la-môn Uṇṇābha thưa Thế Tôn:

– Có năm căn này, thưa Tôn giả Gotama, đối cảnh khác nhau (*nānāvisayāni*), hành cảnh khác nhau (*nānāgocarāni*), chúng không dung nạp (*paccanubhonti*) hành cảnh đối cảnh của nhau. Thế nào là năm? Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn. Thưa Tôn giả Gotama, năm căn này, đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đối cảnh của nhau, thời cái gì làm chỗ quy tựa cho chúng? Và cái gì dung nạp hành cảnh đối cảnh của chúng?

– Nay Bà-la-môn, có năm căn này, đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đối cảnh của nhau. Thế nào là năm? Nhãn căn... thân căn. Nay Bà-la-môn, năm căn này, đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đối cảnh của nhau, ý làm chỗ quy tựa cho chúng, ý dung nạp hành cảnh đối cảnh của chúng.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho ý?

– Nay Bà-la-môn, niệm là chỗ quy tựa cho ý.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho niệm?

– Nay Bà-la-môn, giải thoát là chỗ quy tựa cho niệm.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho giải thoát?

– Nay Bà-la-môn, Niết-bàn là chỗ quy tựa cho giải thoát.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì là chỗ quy tựa cho Niết-bàn?

– Nay Bà-la-môn, câu hỏi đi quá xa (*ajjhaparam*) không thể nắm được chỗ tận cùng của câu hỏi. Nay Bà-la-môn, Phạm hạnh được sống để thể nhập Niết-bàn, Phạm hạnh lấy Niết-bàn làm mục đích, lấy Niết-bàn làm cứu cánh.

Rồi Bà-la-môn Uṇṇābha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Sau khi Bà-la-môn Uṇṇābha ra đi không bao lâu, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái nhà có nóc nhọn, hay một giảng đường có nóc nhọn với cửa sổ hướng về phía Đông, khi mặt trời mọc và các tia nắng chiếu vào ngang qua cửa sổ, chúng dựa vào chỗ nào?³²

– Chúng dựa trên bức tường phía Tây, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, lòng tin của Bà-la-môn Uṇṇābha hướng về, căn cứ, được an trú trên Như Lai. Lòng tin ấy kiên cố, không bị Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chiếm đoạt. Nếu trong lúc này, này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Uṇṇābha bị mệnh chung, không có một kiết sử nào có thể cột để kéo Bà-la-môn Uṇṇābha trở lui về đời này.³³

³² Xem KS. II. 71.

³³ Vị ấy chứng quả A-na-hàm. Tham khảo: S. V. 178; KS. V. 156 (kinh 396 ở trước).

III. KINH SĀKETA (*Sāketasutta*) (S. V. 219)

513. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāketa, tại rừng Añjana, Lộc Uyển.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, có pháp môn nào, y theo pháp môn ấy, năm căn tức là năm lực, và năm lực trở thành năm căn?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Nay các Tỷ-kheo, có pháp môn, y theo pháp môn ấy, năm căn tức là năm lực, và năm lực trở thành năm căn. Và nay các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y theo pháp môn ấy, năm căn tức là năm lực, và năm lực trở thành năm căn?

Cái gì là tín căn, nay các Tỷ-kheo, cái ấy là tín lực. Cái gì là tín lực, cái ấy là tín căn. Cái gì là tấn căn, cái ấy là tấn lực. Cái gì là tấn lực, cái ấy là tấn căn... Cái gì là tuệ căn, cái ấy là tuệ lực. Cái gì là tuệ lực, cái ấy là tuệ căn...

Ví như, nay các Tỷ-kheo, một con sông thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông, và giữa con sông có hòn đảo. Nay các Tỷ-kheo, có pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là một. Nhưng nay các Tỷ-kheo, lại có pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là hai.

Và nay các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y theo pháp môn ấy, được tính là một? Nay các Tỷ-kheo, nước cuối phía Đông và nước cuối phía Tây của hòn đảo ấy được tính là một dòng. Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là một.

Và nay các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là hai? Nay các Tỷ-kheo, nước cuối phía Bắc và nước cuối phía Nam của hòn đảo ấy được tính là hai dòng. Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng sông ấy được tính là hai.

Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, cái gì là tín căn, cái ấy là tín lực. Cái gì là tín lực, cái ấy là tín căn... Cái gì là tuệ căn, cái ấy là tuệ lực. Cái gì là tuệ lực, cái ấy là tuệ căn.

Nay các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn năm căn này, Tỷ-kheo đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

IV. KINH NGÔI NHÀ PHÍA ĐÔNG (*Pubbakoṭṭhakasutta*) (S. V. 220)

514. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Pubbakoṭṭhaka.³⁴ Tại đây, Thế Tôn bảo Tôn giả Sāriputta:

³⁴ Xem *A. III. 345*; *GS. III. 243*. Có lẽ đây là kinh duy nhất đề cập việc đức Phật và Tôn giả Ānanda đi đến chỗ tắm. Gần công thành, có nhiều chỗ tắm công cộng. *Koṭṭhaka* là căn phòng hay nhà kho (gần công thành).

– Ông có tin không, này Sāriputta, tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh...? Ông có tin không, này Sāriputta, tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con không đi với lòng tin nơi Thế Tôn, rằng tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Với những ai, bạch Thế Tôn, không chứng tri, không thấy, không hiểu, không chứng ngộ, không đạt tới với trí tuệ; họ cần đi với lòng tin nơi kẻ khác [tin rằng]: “Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.” Còn với những ai, bạch Thế Tôn, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; những người ấy, ở đây, không có nghi ngờ, không có phân vân [tin rằng]: “Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.” Còn con, bạch Thế Tôn, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; con ở đây, không có nghi ngờ, không có phân vân [tin rằng]: “Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.”

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Với những ai, này Sāriputta, không chứng tri, không thấy, không hiểu, không chứng ngộ, không đạt tới với trí tuệ; ở đây, họ cần đi với lòng tin nơi kẻ khác [tin rằng]: “Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.” Và còn với những ai, này Sāriputta, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; những người ấy, ở đây, không có nghi ngờ, không có phân vân [tin rằng]: “Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.”

V. KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ NHẤT (*Paṭhamapubbārāmasutta*) (S. V. 222)

515. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvattthi, tại Đông Viên, ở lâu đài của mẹ Migāra. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa”?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do tu tập, do làm cho sung mãn chỉ một căn, này các Tỷ-kheo, khiến cho

Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Một căn ấy là căn gì? Là tuệ căn.

Với vị Thánh đệ tử có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tất nhiên (*tadanvayam*) tín được an trú, tất nhiên tinh tấn được an trú, tất nhiên niệm được an trú, tất nhiên định được an trú.

Do tu tập, do làm cho sung mãn chỉ một căn này, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.”

VI. KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ HAI

(*Dutiyapubbārāmasutta*) (S. V. 222)

516. Nhân duyên như kinh trên.

– Bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa”?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Hai căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Thế nào là hai?

Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát. Cái gì trong vị ấy, này các Tỷ-kheo, là Thánh trí tuệ, cái ấy là tuệ căn. Cái gì trong vị ấy, này các Tỷ-kheo, là Thánh giải thoát, cái ấy là định căn.

Hai căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.”

VII. KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ BA

(*Tatiyapubbārāmasutta*) (S. V. 223)

517. Nhân duyên như kinh trên.

– Có bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa”?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

... (Như kinh trên, chỉ khác là kinh này nói đến “bốn căn” tức “tín căn, niệm căn, định căn, tuệ căn”).

VIII. KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ TƯ (*Catutthapubbārāmasutta*) (S. IV. 223)

518. Nhân duyên như kinh trên.

(Như kinh trên, chỉ khác là đây là “năm căn” tức “tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn”).

IX. KINH PIṄḌOLA BHĀRADVĀJA (*Piṇḍolabhāradvājasutta*)³⁵ (S. IV. 224)

519. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja tuyên bố với chánh trí như sau: “Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.”

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố với chánh trí như sau: “Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Do thấy lý do gì, bạch Thế Tôn, Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja lại tuyên bố với chánh trí rằng: “Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa”?

– Do tu tập, do làm cho sung mãn ba căn, này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo Piṇḍola Bhāradvāja tuyên bố với chánh trí rằng: “Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Ba căn ấy là gì? Niệm căn, định căn, tuệ căn.

Chính do tu tập, do làm cho sung mãn ba căn này, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố với chánh trí rằng: “Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.”

Và này các Tỷ-kheo, ba căn này, chúng đi đến tận cùng ở đâu? Tận cùng đi đến đoạn diệt. Đi đến đoạn diệt cái gì? Sanh già và chết. Vì thấy sanh già và chết đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, nên Tỷ-kheo Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố với chánh trí rằng: “Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.”

X. KINH ĀPAṆA (*Āpaṇasutta*)³⁶ (S. V. 225)

520. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Āṅga, tại thị trấn của dân chúng Āṅga tên là Āpaṇa. Tại đây, Thế Tôn bảo Tôn giả Sāriputta:

– Này Sāriputta, có vị Thánh đệ tử nào đi đến nhất tâm và hoàn toàn tin

³⁵ Bản tiếng Anh của PTS: *Scrap-hunter*, nghĩa là *Người tìm lượm phế liệu*.

³⁶ Bản tiếng Anh của PTS: *Faithful (or Market)*, nghĩa là *Tín (hay Ngôi chợ)*.

tưởng ở Như Lai; vị ấy có thể có phân vân hay nghi ngờ đối với Như Lai, hay đối với lời giảng dạy của Như Lai?

– Vị Thánh đệ tử nào, bạch Thế Tôn, đi đến nhất tâm và hoàn toàn tin tưởng ở Như Lai; vị ấy không có thể phân vân hay nghi ngờ đối với Như Lai, hay đối với lời giảng dạy của Như Lai. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, được chờ đợi rằng: Vị ấy sẽ trú tinh cần tinh tấn, để đoạn tận các pháp bất thiện, để làm sanh khởi các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, tinh tấn, không có quăng bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.

Sự tinh tấn của vị ấy, bạch Thế Tôn, là tấn căn của vị ấy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin và tinh cần tinh tấn, bạch Thế Tôn, được chờ đợi rằng: Vị ấy có niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm những điều làm đã lâu, nói đã lâu ngày.

Sự niệm của vị ấy, bạch Thế Tôn, là niệm căn của vị ấy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, tinh cần tinh tấn, với niệm được an trú, bạch Thế Tôn, được chờ đợi rằng: Sau khi từ bỏ pháp sở duyên, vị ấy sẽ được định, được nhất tâm.

Định của vị ấy, bạch Thế Tôn, là định căn của vị ấy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, an trú chánh niệm, với tâm thiền định, bạch Thế Tôn, được chờ đợi như sau: Vị ấy rõ biết rằng vô thủy là luân hồi, khởi điểm đầu tiên không thể chỉ rõ. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị khát ái trói buộc, lưu chuyển luân hồi. Sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn khỏi u ám ấy, là tịch tịnh của vị này, là thù thắng của vị này, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn tận tham ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn.

Trí tuệ của vị ấy, bạch Thế Tôn, là tuệ căn của vị ấy. Vị Thánh đệ tử có lòng tin ấy, tinh cần tinh tấn như vậy; ức niệm, ức niệm như vậy; định tĩnh, định tĩnh như vậy; rõ biết, rõ biết như vậy; lòng thâm tín như sau sanh khởi: “Những pháp này mà trước kia ta từng được nghe, nay ta trú, tự thân chứng đạt những pháp ấy. Nay với trí tuệ, ta thể nhập chúng, ta thấy chúng rõ ràng.”

Lòng tin của vị ấy, bạch Thế Tôn, là tín căn của vị ấy.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Vị Thánh đệ tử nào, này Sāriputta, đi đến nhất tâm và hoàn toàn tin tưởng ở Như Lai; vị ấy không có phân vân, không có nghi ngờ gì đối với Như Lai, hay đối với lời dạy của Như Lai. Vị Thánh đệ tử nào có lòng tin, này Sāriputta, được chờ đợi như sau: Vị ấy sẽ trú tinh cần tinh tấn, để đoạn tận các pháp bất thiện, để làm sanh khởi các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì tinh tấn, không quăng bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

Sự tinh tấn của vị ấy, này Sāriputta, là tấn căn của vị ấy.

Với vị Thánh đệ tử có lòng tin và tinh cần, tinh tấn, này Sāriputta... Vị Thánh đệ tử có lòng tin ấy, tinh cần tinh tấn như vậy; rõ biết, rõ biết như vậy; lòng thâm tín như sau sanh khởi: “Những pháp này trước kia ta từng được nghe, nay ta trú, tự thân chứng đạt những pháp ấy. Nay với trí tuệ, ta thể nhập chúng, ta thấy chúng rõ ràng.”

Lòng tin của vị ấy, này Sāriputta, tức là tín căn của vị ấy.

VI. PHẨM HANG LỢN (*SŪKARAKHATAVAGGA*)

I. KINH SĀLĀ (*Sālasutta*) (S. V. 227)

521. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên Sālā.

Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

– Ví như, này các Tỷ-kheo, trong các loài bàng sanh, con sư tử, vua các loài thú, được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, về tốc lực, về đồng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ?

Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Tấn căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Niệm căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Định căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong các loài bàng sanh, con sư tử, vua các loài thú, được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, về tốc lực, về đồng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

II. KINH MALLIKA (*Mallikasutta*)³⁷ (S. V. 228)

522. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Mallā, tại một thị trấn của dân chúng Mallā tên là Uruvelakappa.

Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

– Cho đến khi nào Thánh trí chưa khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn chưa được đăng trú (*saṇṭhiti*); cho đến khi ấy, bốn căn chưa được an trú (*avaṭṭhiti*). Và cho đến khi nào Thánh trí khởi lên nơi Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn được đăng trú; cho đến khi ấy, bốn căn được an trú.

Ví như, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào xà ngang của một nóc nhà có mái

³⁷ Tham chiếu: *Tqp. 雜* (T.02. 0099.655. 0183b25).

nhọn chưa được gác qua, cho đến khi ấy, các kèo nhà chưa được đăng trú; cho đến khi ấy, các kèo nhà chưa được an trú. Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào xà ngang của một nóc nhà có mái nhọn được gác qua, cho đến khi ấy, các kèo nhà được đăng trú; cho đến khi ấy, các kèo nhà được an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Thánh trí chưa khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, cho đến khi ấy, bốn căn chưa được đăng trú; cho đến khi ấy, bốn căn chưa được an trú. Và cho đến khi nào Thánh trí khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn được đăng trú; cho đến khi ấy, bốn căn được an trú. Thế nào là bốn? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn.

Với vị Thánh đệ tử có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tất nhiên lòng tin được đăng trú, tất nhiên tinh tấn được đăng trú, tất nhiên niệm được đăng trú, tất nhiên định được đăng trú.

III. KINH HỮU HỌC (*Sekhasutta*) (S. V. 229)

523. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Có pháp môn nào, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: “Tôi là bậc Hữu học”, Tỷ-kheo Vô học (*Asekha*) đứng trên vô học địa có thể rõ biết: “Tôi là bậc Vô học”?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Có pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: “Tôi là bậc Hữu học”, Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa có thể rõ biết: “Tôi là bậc Vô học.”

Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học trú trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc Hữu học.” Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học như thật rõ biết: “Đây là khổ”, như thật rõ biết: “Đây là khổ tập khởi”, như thật rõ biết: “Đây là khổ đoạn diệt”, như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt.” Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc Hữu học.”

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học suy nghĩ như sau: “Ngoài Tăng chúng này, có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy,³⁸ như Thế Tôn hay không?” Và vị ấy rõ biết như sau: “Ngoài Tăng chúng này, không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn.” Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc Hữu học.”

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học rõ biết năm căn: Tín căn... tuệ căn. Nhưng về sanh thú, về tối thắng, về quả, về mục đích của chúng, vị ấy

³⁸ Xem D. I. 190.

không có thể trú với tự thân thông đạt được, và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo... rõ biết: “Tôi là bậc Hữu học.”

Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa rõ biết: “Ta là bậc Vô học.” Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vô học rõ biết năm căn: Tín căn... tuệ căn, với sanh thú của chúng, với tối thắng của chúng, với quả của chúng, với mục đích của chúng. Và vị ấy trú với tự thân thông đạt được, và với trí tuệ thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa rõ biết: “Tôi là bậc Vô học.”

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vô học rõ biết sáu căn: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn. Vị ấy rõ biết: “Sáu căn này được đoạn diệt, không có dư tàn, toàn bộ và toàn diện. Và sẽ không có sáu căn khác khởi lên, tại một chỗ nào và như thế nào.” Vị ấy rõ biết như vậy. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa rõ biết: “Tôi là bậc Vô học.”

IV. KINH DẤU CHÂN (*Padasutta*) (S. V. 230)

524. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các bàn chân nào của loài hữu tình bộ hành trong rừng sâu (*jaṅgalāṇam*), tất cả bàn chân ấy đều nằm gọn trong bàn chân con voi. Bàn chân con voi được xem là tối thượng trong các loại bàn chân, tức là về to lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong tất cả bàn chân nào (*padāni*) đưa đến giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng về phương diện giác ngộ.

Và này các Tỷ-kheo, những bàn chân nào đưa đến giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là bàn chân đưa đến giác ngộ. Tấn căn... niệm căn... định căn... tuệ căn là bàn chân đưa đến giác ngộ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong bất cứ bàn chân nào của những loài hữu tình bộ hành trong rừng sâu, tất cả bàn chân đều nằm gọn trong bàn chân con voi. Bàn chân con voi được xem là tối thượng trong các loại bàn chân, tức là về to lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có bàn chân nào đưa đến giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng trong tất cả bàn chân, tức là về giác ngộ.

V. KINH LỐI CÂY (*Sārasutta*) (S. V. 231)

525. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lối hương nào, cây Chiên-đàn đỏ được xem là tối thượng trong tất cả lối hương. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn là pháp tối thượng trong tất cả pháp ấy, tức là về phần giác ngộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, pháp ấy đưa đến giác ngộ... tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ, pháp ấy đưa đến giác ngộ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lối hương nào, cây Chiên-đàn đỏ

được xem là tối thượng trong các lỗi hương. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tuệ căn được xem là tối thượng trong các pháp ấy, tức là về giác ngộ.

VI. KINH Y CHỈ, AN TRÚ (*Paṭiṭṭhitasutta*) (S. V. 232)

526. Tỷ-kheo y chỉ một pháp, này các Tỷ-kheo, năm căn được tu tập, được khéo tu tập. Một pháp ấy là gì? Là không phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không phóng dật? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hộ trì tâm đối với các lậu hoặc và các pháp hữu lậu. Do vị ấy hộ trì tâm đối với các lậu hoặc và các pháp hữu lậu, nên tín căn được tu tập đi đến viên mãn... tấn căn... niệm căn... định căn... tuệ căn được tu tập đi đến viên mãn.

Tỷ-kheo y chỉ một pháp như vậy, này các Tỷ-kheo, năm căn được tu tập đi đến viên mãn.

VII. KINH PHẠM THIÊN SAHAMPATI (*Sahampatibrahmasutta*) (S. V. 232)

527. Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới cây bàng Ajapāla, khi vừa mới giác ngộ.

Rồi Thế Tôn trong khi độc cư thiên tịnh, tâm tư suy tưởng sau đây được khởi lên: “Năm căn được tu tập, được làm sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là năm? Tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Tấn căn... Niệm căn... Định căn... Tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Năm căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.”

Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm tư suy tưởng của Thế Tôn, ví như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, cũng vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thế Tôn.

Rồi Phạm thiên Sahampati đáp thượng y vào một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Thưa vậy là phải, bạch Thế Tôn. Thưa vậy là phải, bạch Thiên Thệ. Năm căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là năm? Tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... Tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Năm căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.

Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con sông Phạm hạnh trong thời Ngài Kassapa

Chánh Đẳng Chánh Giác. Tại đây mọi người biết con là: “Tỷ-kheo Sahaka, Tỷ-kheo Sahaka.” Và con, bạch Thế Tôn, nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn năm căn này, sau khi từ bỏ dục tham đối với các dục, sau khi thân hoại mạng chung, con được sanh lên thiện thú, Phạm thiên giới. Tại đây, họ gọi con là: “Phạm thiên Sahampati, Phạm thiên Sahampati.”

Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Con biết như sau, con thấy như sau: “Năm căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.”

VIII. KINH HANG LỢN (*Sūkarakhatasutta*)³⁹ (S. V. 233)

528. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thú), trong hang Con Lợn.

Tại đây, Thế Tôn bảo Tôn giả Sāriputta:

– Do thấy lý do gì, này Sāriputta, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai?

– Vì thấy vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, bạch Thế Tôn, nên Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Do thấy vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này Sāriputta, nên Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai.

Thế nào là vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này Sāriputta, do thấy vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai hay lời giảng dạy của Như Lai?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc tu tập tín căn, đưa đến an tịnh, đưa đến giác ngộ... tu tập tấn căn... tu tập niệm căn... tu tập định căn... tu tập tuệ căn, đưa đến an tịnh, đưa đến giác ngộ. Đây là vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, bạch Thế Tôn, do thấy vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Cái này là vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này Sāriputta, do thấy vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay đối với lời giảng dạy của Như Lai.

Và này Sāriputta, thế nào là sự tối thượng tôn kính mà Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai hay đối với lời giảng dạy của Như Lai?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc sống tôn trọng, cung kính bậc Đạo sư; sống tôn trọng, cung kính Pháp; sống tôn trọng, cung kính chúng Tăng; sống tôn trọng, cung kính học giới; sống tôn trọng, cung kính thiên định. Đây là sự tối thượng tôn kính, bạch Thế Tôn, mà Tỷ-kheo đã đoạn

³⁹ Bản tiếng Anh của PTS: *Boar's Cave*, nghĩa là hang con lợn lòi dục.

tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Cái này là tối thượng tôn kính mà Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay đối với lời giảng dạy của Như Lai.

IX. KINH SANH THỨ NHẤT (*Paṭhamauppādasutta*) (S. V. 235)

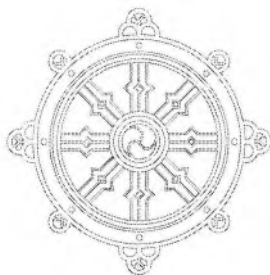
529. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Năm căn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, nếu chưa sanh khởi, sẽ được sanh khởi, nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, nếu chưa sanh khởi, sẽ được sanh khởi, nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

X. KINH SANH THỨ HAI (*Dutiyauppādasutta*) (S. V. 235)

530. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là “không thể không có sự hiện hữu giới luật của bậc Thiện Thệ”).



VII. PHẨM GIÁC PHẦN (*BODHIPAKKHIYAVAGGA*)

I. KINH KIẾT SỬ (*Samyojanasutta*) (S. V. 236)

531. Nhân duyên tại Sāvatti.

– Có năm căn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sử. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sử.

II. KINH TÙY MIÊN (*Anusayasutta*) (S. V. 236)

532. Có năm căn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự nhỏ sạch các tùy miên. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự nhỏ sạch các tùy miên.

III. KINH LIỄU TRI (*Pariññāsutta*)⁴⁰ (S. V. 236)

533. Có năm căn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến liễu tri đường luân hồi dài. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến liễu tri đường luân hồi dài.

IV. KINH ĐOẠN DIỆT CÁC LẬU HOẶC (*Āsavakkhayasutta*) (S. V. 236)

534. Có năm căn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc.

– Có năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sử, đưa đến nhỏ sạch các tùy miên, đưa đến liễu tri đường luân hồi dài, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sử, đưa đến nhỏ sạch các tùy miên, đưa đến liễu tri đường luân hồi dài, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc.

⁴⁰ Bản tiếng Anh của PTS: *Comprehension* (or *The Way out*), nghĩa là *Liễu tri* (hay *Con đường ra khỏi*).

V. KINH QUẢ VỊ THỨ NHẤT (*Paṭhamaphalasutta*)⁴¹ (S. V. 236)

535. Có năm căn, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này.

Do tu tập, làm cho sung mãn năm căn này, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi như sau: Ngay trong hiện tại được chánh trí; hay nếu có dư tàn, được quả Bất lai.

VI. KINH QUẢ VỊ THỨ HAI (*Dutiyaphalasutta*)⁴² (S. V. 237)

536. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này.

Do tu tập, làm cho sung mãn năm căn này, bảy quả, bảy lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích?

Ngay trong hiện tại, lập tức thành tựu chánh trí. Nếu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu chánh trí, thời khi lâm chung, thành tựu được chánh trí. Nếu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu chánh trí, khi lâm chung không thành tựu được chánh trí, thời sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn, chứng được Tôn hạp Bát-niết-bàn chứng được Vô hành Bát-niết-bàn, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn, chứng được Thượng lưu đạt được Sắc Cứu Cánh thiên.

Do tu tập, làm cho sung mãn năm căn này, này các Tỷ-kheo, bảy quả này, bảy lợi ích này được chờ đợi.

VII. KINH CÂY THỨ NHẤT (*Paṭhamarukkkhasutta*) (S. V. 237)

537. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tất cả cây sống ở Jambudīpa (Diêm-phù-đề), cây Jambu (Diêm-phù) được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phạm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, vì pháp ấy đưa đến giác ngộ. Tín căn... Niệm căn... Định căn... Tuệ căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, vì pháp ấy đưa đến giác ngộ. Ví như, này các Tỷ-kheo, những cây sống trên cõi Diêm-phù-đề, cây Jambu được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phạm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

VIII. KINH CÂY THỨ HAI (*Dutiyarukkkhasutta*) (S. V. 238)

538. Ví như, này các Tỷ-kheo, phạm có những cây của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, cây Pāricchattaka được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các

⁴¹ Bản tiếng Anh của PTS: *Two Fruits*, nghĩa là *Hai quả vị*. Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.734. 0196b29); *Tap. 雜* (T.02. 0099.738. 0197a10).

⁴² Bản tiếng Anh của PTS: *Seven Advantages*, nghĩa là *Bảy lợi ích*.

Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ... Tuệ căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, vì pháp ấy đưa đến giác ngộ. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những cây gì của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, cây Pārichattaka được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

IX. KINH CÂY THỨ BA (*Tatīyarukkhasutta*) (S. V. 238)

539. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là “những cây của các loài a-tu-la và cây Cittapāṭali được xem là tối thượng”, với những thay đổi cần thiết).

X. KINH CÂY THỨ TƯ (*Catuttharukkhasutta*) (S. V. 238)

540. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là “những cây của các Supaṇṇa (Kim Sí điểu) và cây Kūṭasimbalī được xem là tối thượng”, với những thay đổi cần thiết).

VIII. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

VIỄN LY

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH PHƯƠNG ĐÔNG (*Pācīnādisuttadvādasaka*) (S. V. 239)

541-552. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tấn căn... niệm căn... định căn... tuệ căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Phẩm này gồm các kinh: “Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển.” Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

IX. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

VIỄN LY

I-X. (S. V. 240)

553-562. (Gồm các kinh: “Nhu Lai”, “Dấu chân”, “Chóp mái”, “Rễ hương”, “Lõi hương”, “Hạ Sanh hoa”, “Vua”, “Mặt trăng”, “Mặt trời”, “Vải”, tất cả là mười kinh được thuyết rộng như *Tương ưng Đạo*).

X. PHẨM CẦN DỪNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

VIỄN LY

I-XII. (S. V. 240)

563-574. (Gồm các kinh: “Sức lực”, “Các hạt giống”, “Con rắn”, “Cây”, “Cái ghè”, “Râu lúa mì”, “Hư không”, “Mây mưa 1”, “Mây mưa 2”, “Chiếc thuyền”, “Các khách”, “Con sông”, được thuyết rộng như *Tương ưng Đạo*).

XI. PHẨM TÀM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

VIỄN LY

I-XII. (S. V. 240)

575-586. (Gồm các kinh: “Tầm cầu”, “Kiêu mạn”, “Lậu hoặc”, “Hữu”, “Khổ tánh”, “Hoang vu”, “Cầu nhiễm”, “Dao động”, “Thọ”, và 2 kinh “Khát ái”, được thuyết rộng như *Tương ưng Đạo*).

XII. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

VIỄN LY

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BỘC LƯU (*Oghādisuttadasaka*) (S. V. 241)

587-596. Nay các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Nay các Tỷ-kheo, đây là năm thượng phần kiết sử. Để thắng tri, để liễu tri, để đoạn diệt, để đoạn tận các thượng phần kiết sử này, năm căn cần phải tu tập. Thế nào là năm?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập tuệ căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nay các Tỷ-kheo, để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm căn này cần phải tu tập.

(Phẩm này gồm các kinh: “Bộc lưu”, “Ách phược”, “Chấp thủ”, “Hệ phược”, “Tùy miên”, “Dục công đức”, “Triền cái”, “Thủ uẩn”, “Hạ phần kiết sử”, “Thượng phần kiết sử”, thuyết rộng như *Tương ưng Đạo*, phẩm Bộc lưu).

XIII. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH PHƯƠNG ĐÔNG (*Pācīnādisuttadvādasaka*) (S. V. 241)

597-608. Ví như, nay các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và thế nào, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cứu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si... tu tập tuệ căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cứu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Phẩm này gồm các kinh: “Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển.” Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

XIV. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. (S. V. 242)

609-618. (Gồm các kinh: “Nhu Lai”, “Dấu chân”, “Chóp mái”, “Rễ hương”, “Lõi hương”, “Hạ Sanh hoa”, “Vua”, “Mặt trăng”, “Mặt trời”, “Vải”, tất cả là mười kinh).

XV. PHẨM CẦN DỪNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. (S. V. 242)

619-630. (Gồm các kinh: “Sức lực”, “Các hạt giống”, “Con rắn”, “Cây”, “Cái ghè”, “Râu lúa mì”, “Hư không”, “Mây mưa 1”, “Mây mưa 2”, “Chiếc thuyền”, “Các khách”, “Con sông”).

XVI. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGĀ*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. (S. V. 242)

631-640. (Gồm các kinh: “Tầm cầu”, “Kiêu mạn”, “Lậu hoặc”, “Hữu”, “Khổ tánh”, “Hoang vu”, “Cấu nhiễm”, “Dao động”, “Thọ”, “Khát ái”).

XVII. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

**I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BỘC LƯU
(*Oghādisuttadasaka*)** (S. V. 242)

641-650. Có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Đây các Tỷ-kheo, đây là năm thượng phần kiết

sử. Nay các Tỷ-kheo, để thắng tri, để liễu tri, để đoạn diệt, để đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm căn này cần phải tu tập. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cứu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si... tấn căn... niệm căn... định căn... tu tập tuệ căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cứu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si. Nay các Tỷ-kheo, để thắng tri, để liễu tri, để đoạn diệt, để đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm căn này cần phải tu tập.

(Phẩm này gồm các kinh: “Bộc lưu”, “Ách phược”, “Chấp thủ”, “Hệ phược”, “Tùy miên”, “Dục công đức”, “Triền cái”, “Thủ uân”, “Hạ phần kiết sử”, “Thượng phần kiết sử.” Phẩm Bộc lưu được thuyết rộng như *Tương ưng Đạo*).

